

CÔNG TY CỔ PHẦN
XUẤT NHẬP KHẨU Y TẾ
TP.HỒ CHÍ MINH
YTECO
Số: 223/2021/YTC-NSHC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

TP Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 5 năm 2021

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA ỦY BAN
CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI**

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao Dịch Chứng Khoán Hà Nội

Công ty : Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Y tế Thành phố Hồ Chí Minh
Trụ sở chính : 181 Nguyễn Đình Chiểu, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Tp. Hồ Chí Minh
Điện thoại : (028) 3930 4372
Fax : (028) 3930 6909
Người thực hiện công bố thông tin: PHAN MINH TRUNG
Địa chỉ : 181 Nguyễn Đình Chiểu, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP.HCM
Điện thoại : (028) 3930 4372
Fax : (028) 3930 6909

Loại thông tin công bố : 24h 72h Yêu cầu Bất thường Định kỳ

Nội dung thông tin công bố:

Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Y tế Thành phố Hồ Chí Minh công bố giải trình kết quả điều chỉnh hồi tố báo cáo tài chính theo Báo cáo tài chính năm 2020 tại ngày 12/5/2021.

Thông tin này được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty từ ngày 19 tháng 5 năm 2021 tại địa chỉ: <http://www.yteco.vn/quan-he-co-dong/>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

*** Tài liệu đính kèm:**

Văn bản giải trình số 224/2021/YTC-NSHC

Đại diện tổ chức
Người thực hiện công bố thông tin



Phan Minh Trung

CÔNG TY CỔ PHẦN
XUẤT NHẬP KHẨU Y TẾ
TP. HỒ CHÍ MINH
YTECO

181 Nguyễn Đình Chiểu, Q.3, HCM
ĐT: 39 304 372 - Fax: 39 306 909
Email: yteco_hcm@yteco.vn
Số: 224/2021/YTC-NSHC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 5 năm 2021

Kính gửi: - Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội
- Ủy ban chứng khoán Nhà Nước
- Quý Cổ đông.

Liên quan tới báo cáo tài chính năm 2020 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và tư vấn A&C trong đó có các điều chỉnh hồi tố so với báo cáo tài chính năm 2019 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam, cũng như ý kiến ngoại trừ của công ty kiểm toán và tư vấn A&C về vấn đề một số công nợ đang tiếp tục được kiểm tra đối chiếu chúng tôi xin được giải trình như sau:

1/ Giải trình các khoản mục điều chỉnh hồi tố:

Trong năm 2020, Công ty chúng tôi đã có sự thay đổi trong Ban điều hành và các thành viên quản lý chủ chốt, đồng thời được sự đồng ý của đại hội đồng cổ đông, chúng tôi cũng đã thay đổi đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2020. Trong quá trình bàn giao và rà soát lại dữ liệu sổ sách chúng tôi nhận thấy có những sai sót trong báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 do đó Ban Tổng Giám đốc đã quyết định điều chỉnh hồi tố các số liệu liên quan đến các vấn đề sau:

- Trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi, dự phòng giảm giá hàng tồn kho. – Nguyên nhân: do các năm trước chưa xem xét đầy đủ việc trích lập dự phòng.
- Doanh thu, giá vốn ghi nhận chưa đủ điều kiện. – Nguyên nhân: Do việc ghi nhận doanh thu và giá vốn của đội ngũ kế toán và ban điều hành cũ chưa cân nhắc đến các điều kiện cho phép đổi trả hàng.
- Chi phí thuê đất chưa được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh. – Nguyên nhân: Do các sai sót của đội ngũ kế toán và ban điều hành cũ chưa rà soát đầy đủ các chi phí phát sinh để ghi nhận đúng kì.
- Chi phí lương thưởng cho nhân viên chưa được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh. – Nguyên nhân: Do các sai sót của đội ngũ kế toán và ban điều hành cũ chưa rà soát đầy đủ các chi phí phát sinh để ghi nhận đúng kì.
- Trình bày lại một số chỉ tiêu cho phù hợp. – Nguyên nhân: Do đội ngũ kế toán và ban điều hành cũ chưa rà soát kĩ bản chất của các khoản mục để trình bày về đúng chỉ tiêu.

Ảnh hưởng của việc điều chỉnh hồi tố này đến số liệu so sánh năm trước như sau:

	Mã số	Số liệu đã báo cáo	Các điều chỉnh	Số liệu sau điều chỉnh
Bảng cân đối kế toán tổng hợp				
Tài sản ngắn hạn	100	692.063.771.565	18.594.498.952	710.658.270.517
Các khoản phải thu ngắn hạn	130	427.903.634.715	21.045.331.565	448.948.966.280
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	292.642.682.128	(9.881.011.053)	282.761.671.075
Phải thu ngắn hạn khác	136	130.694.354.934	52.200.367.199	182.894.722.133
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	(1.196.975.537)	(21.274.024.581)	(22.471.000.118)
Hàng tồn kho	140	98.418.401.592	2.888.180.331	101.306.581.923
Hàng tồn kho	141	98.666.326.301	4.009.135.954	102.675.462.255
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149	(247.924.709)	(1.120.955.623)	(1.368.880.332)
Tài sản ngắn hạn khác	150	8.756.437.804	(5.339.012.944)	3.417.424.860
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	8.195.569.545	(5.339.012.944)	2.856.556.601
Tài sản cố định hữu hình	221	50.793.479.823	(2.281.803.368)	48.511.676.455
Nguyên giá	222	76.048.359.448	(2.294.550.873)	73.753.808.575
Giá trị hao mòn lũy kế	223	(25.254.879.625)	12.747.505	(25.242.132.120)
Tài sản cố định thuê tài chính	224	609.459.914	2.281.803.368	2.891.263.282
Nguyên giá	225	1.271.916.364	2.294.550.873	3.566.467.237
Giá trị hao mòn lũy kế	226	(662.456.450)	(12.747.505)	(675.203.955)
Tổng cộng tài sản	270	752.198.004.867	18.594.498.952	770.792.503.819
Nợ phải trả	300	692.296.615.687	52.723.651.679	745.020.267.366
Nợ ngắn hạn	310	663.468.590.224	79.953.677.142	743.422.267.366
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	36.806.452.316	(4.333.362.175)	32.473.090.141
Phải trả người lao động	314	-	3.348.280.500	3.348.280.500
Phải trả ngắn hạn khác	319	194.328.421.480	80.488.733.354	274.817.154.834
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	274.458.234.142	450.025.463	274.908.259.605
Nợ dài hạn	330	28.828.025.463	(27.230.025.463)	1.598.000.000
Phải trả dài hạn khác	337	26.780.000.000	(26.780.000.000)	-
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	2.048.025.463	(450.025.463)	1.598.000.000
Vốn chủ sở hữu	400	59.901.389.180	(34.129.152.727)	25.772.236.453
Vốn chủ sở hữu	410	59.901.389.180	(34.129.152.727)	25.772.236.453
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	6.337.290.213	(34.129.152.727)	(27.791.862.514)
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a	6.337.290.213	(34.129.152.727)	(27.791.862.514)
Tổng cộng nguồn vốn	440	752.198.004.867	18.594.498.952	770.792.503.819
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp				
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	518.887.998.514	(27.139.233.079)	491.748.765.435
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	509.749.006.363	(27.139.233.079)	482.609.773.284
Giá vốn hàng bán	11	416.166.809.507	(24.595.233.079)	391.571.576.428
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20	93.582.196.856	(2.544.000.000)	91.038.196.856
Chi phí bán hàng	25	33.877.207.314	951.181.958	34.828.389.272
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	26.513.969.158	18.896.573.458	45.410.542.616
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30	18.481.468.086	(22.391.755.416)	(3.910.287.330)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	18.916.197.777	(22.391.755.416)	(3.475.557.639)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	15.120.566.222	(22.391.755.416)	(7.271.189.194)
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	3.682	(7.553)	(3.871)
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	3.682	(7.553)	(3.871)
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ				
Lợi nhuận trước thuế	01	18.916.197.777	(22.391.755.416)	(3.475.557.639)
Các khoản dự phòng	03	(979.335.001)	17.680.745.342	16.701.410.341
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(4.219.090.901)	(609.666.281)	(4.828.757.182)
trước thay đổi vốn lưu động	08	40.425.459.963	(5.320.676.355)	35.104.783.608
Tăng, giảm các khoản phải thu	09	82.120.197.849	(40.850.902.322)	41.269.295.527
Tăng, giảm hàng tồn kho	10	4.810.860.566	(1.227.259.710)	3.583.600.856
Tăng, giảm các khoản phải trả	11	53.143.906.833	46.265.415.906	99.409.322.739
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	149.939.694.828	(1.133.422.481)	148.806.272.347
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	38.733.991.693	(107.327.991.693)	(68.594.000.000)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	(19.404.810.590)	107.327.991.693	87.923.181.103

Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	4.219.090.901	609.666.281	4.828.757.182
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	12.855.330.755	609.666.281	13.464.997.036
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(7.084.000.000)	523.756.200	(6.560.243.800)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(79.804.574.346)	523.756.200	(79.280.818.146)

2/ Giải trình về các điểm ngoại trừ trong Báo cáo kiểm toán năm 2020:

Ý kiến ngoại trừ:

“Năm 2020 Công ty có sự thay đổi trong Ban điều hành và các thành viên quản lý chủ chốt. Do quy trình theo dõi, quản lý công nợ chưa chặt chẽ và hạn chế về thời gian nên Ban điều hành chưa thể kiểm tra, đối chiếu để làm rõ một số khoản công nợ có giá trị theo sổ sách như sau:

	<u>Tại ngày</u> <u>31/12/2020</u>	<u>Tại ngày</u> <u>31/12/2019</u>	<u>Thuyết</u> <u>minh</u>
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	49.680.312.781	48.017.888.569	V.3
Phải thu ngắn hạn khác	44.958.529.779	51.675.849.343	V.5
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	27.391.334.021	27.208.929.106	V.15
Phải trả ngắn hạn khác	45.702.343.654	53.672.493.899	V.19

Với các tài liệu và thông tin hiện có tại Công ty, chúng tôi cũng không thể kiểm tra được các khoản công nợ trên bằng các thủ tục kiểm toán khác.”

Chúng tôi xin được diễn giải rõ hơn về ý kiến ngoại trừ như sau :

Như đã nói trên, trong năm 2020 Công Ty có sự thay đổi lớn trong hội đồng quản trị, ban điều hành và các thành viên quản lý chủ chốt. Tại thời điểm thay đổi, Ban điều hành và đội ngũ kế toán mới tiến hành nhận bàn giao lại số liệu kèm hồ sơ sổ sách chứng từ, tuy nhiên ban điều hành mới nhận thấy thực trạng là các quy trình theo dõi và quản lý công nợ rất lỏng lẻo và phải có thời gian để kiểm tra hồ sơ sổ sách đối chiếu với các đối tác cho từng đối tượng công nợ nhằm làm rõ số liệu của từng đối tượng.

Vì số lượng đối tượng công nợ của công ty là rất lớn, trên 2000 đối tượng, hồ sơ lưu trữ của đội ngũ kế toán cũ không theo dõi khoa học và rõ ràng, vì vậy, việc kiểm tra đối chiếu của đội ngũ kế toán mới mất rất nhiều thời gian. Đội ngũ kế toán khoanh vùng kiểm tra theo thứ tự ưu tiên các đối tượng công nợ lớn hoặc nghi ngờ có rủi ro nhiều trước và lần lượt theo thứ tự đến các đối tượng có số dư nhỏ, lẻ, ít rủi ro. Tính đến thời điểm phát hành báo cáo, số lượng công nợ đã kiểm tra đối chiếu rõ ràng cũng đã chiếm phần lớn trong tổng giá trị công nợ. Công ty đang tiếp tục kiểm tra đối chiếu để làm rõ số liệu và thay đổi quy trình kiểm soát công nợ chặt chẽ hơn.

Vì những lý do như đã trình bày trên, việc đưa ra ý kiến ngoại trừ của công ty kiểm toán A&C dựa trên các thông tin, chuẩn mực kiểm toán quy định về các thủ tục cần thực hiện trong quá trình đánh giá hệ thống kiểm soát của đơn vị rủi ro cao là cần mở rộng mẫu tối đa. Do đó, kết hợp với đội ngũ kế toán mới của Yteco, 2 bên xác định có việc chưa kiểm tra đối chiếu các công nợ như đã nói trên, đó là cơ sở công ty A&C đưa ra ý kiến ngoại trừ. Ý kiến ngoại trừ này không khẳng định hay bác bỏ các rủi ro về tổn thất có thể xảy ra, chỉ nêu lên ý kiến về thực trạng hiện tại và Yteco cần thêm thời gian để có thể làm rõ toàn bộ số liệu sổ sách liên quan đến công nợ.

3. Những thay đổi trong lợi nhuận năm 2020 với lợi nhuận năm 2019 đã kiểm toán

STT	CHỈ TIÊU	Số liệu đã kiểm toán		Chênh lệch (3)=(1)-(2)	% Tăng/ giảm (4)= (3)/(2)
		Năm 2020 (1)	Năm 2019 (2)		
A	B				
1	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	566,469,296,374	482,609,773,284	83,859,523,090	17.4%
2	Giá vốn hàng bán	517,668,340,713	391,571,576,428	126,096,764,285	32.2%
3	Doanh thu hoạt động tài chính	31,994,967,177	10,047,865,725	21,947,101,452	218.4%
4	Chi phí tài chính	28,388,570,431	24,757,418,023	3,631,152,408	14.7%
5	Chi phí bán hàng	37,245,570,595	34,828,389,272	2,417,181,323	6.9%
6	Chi phí quản lý doanh nghiệp	31,213,416,333	45,410,542,616	(14,197,126,283)	-31.3%
7	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	(16,051,634,521)	(3,910,287,330)	(12,141,347,191)	310.5%
8	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(12,013,078,416)	(3,475,557,639)	(8,537,520,777)	245.6%
9	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	3,795,631,555	(3,795,631,555)	-100.0%
10	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(12,013,078,416)	(7,271,189,194)	(4,741,889,222)	65.2%

Nguyên nhân:

- Doanh thu tăng chủ yếu do sau khi tiếp nhận lại công ty, ban điều hành mới đã có những định hướng và bước đi nhanh chóng nhằm cố gắng cải thiện tình hình kinh doanh trước mắt đang lổ. Nhờ những nỗ lực đó doanh thu có sự tăng trưởng 17.4% - tương đương 83.8 tỷ so với năm trước.
- Doanh thu tăng kéo giá vốn cũng tăng theo (tăng 32.3% - tương đương 126 tỷ). Tuy nhiên, tỷ lệ giá vốn tăng cao hơn doanh thu do tình hình dịch bệnh khó khăn, thâm nhập và mở rộng thị trường đòi hỏi phải có những cạnh tranh về giá bán và các mặt hàng y dược phổ thông có mức giá không cao.
- Doanh thu hoạt động tài chính tăng (218% tương đương 21.9 tỷ) chủ yếu khi ban điều hành mới tiếp nhận đã cố gắng thương thảo với các khách hàng có công nợ lâu trả lãi trả chậm cho công ty.
- Chi phí quản lý doanh nghiệp giảm chủ yếu do các khoản dự phòng phải thu khó đòi năm nay ít hơn số liệu dự phòng năm trước (sau điều chỉnh hồi tố). Chi phí này giảm 31% tương đương 14 tỷ.
- Thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2019 đã nộp là 3.7 tỷ do trước điều chỉnh hồi tố thì kết quả kinh doanh năm 2019 có lãi nhưng sau điều chỉnh hồi tố kết quả kinh doanh năm 2019 lổ so với báo cáo trước điều chỉnh đã trình bày ở mục 1.

Căn cứ vào các nguyên nhân chính nói trên cho thấy mặc dù doanh thu hoạt động kinh doanh chính tăng (83.8 tỷ), doanh thu tài chính tăng (21.9 tỷ), chi phí quản lý doanh nghiệp giảm (14 tỷ) nhưng giá vốn tăng lên đến 126 tỷ, công với các tác động nhỏ khác làm cho lợi nhuận sau thuế giảm 4.7 tỷ so với kết quả kinh doanh năm 2019 (sau điều chỉnh hồi tố).

Trên đây là các nội dung giải trình của Công ty CP Xuất Nhập Khẩu Y tế TP.HCM xin được thông báo để Quý cơ quan và Cổ đông được biết.

Trân trọng ./.

* **Nơi nhân:**

- Như trên
- Lưu NSHC .

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC



PHAN MINH TRUNG